

SỐ 1719

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

Đời Đường Tông Thiên Thai Sa môn Tràm Nhiên thuật

QUYỂN I

(Quyển Thượng)

GIẢI THÍCH PHẨM TỰA THỨ NHẤT

“Văn cú”: “Văn” là văn tự, một bộ từ đầu đến cuối, cho nên nói: “Văn” tức là tự, là hai sở y. “Cú”: là cú điệu (là dấu ngắt giọng, tức là dấu chấm phết trong sách), để biết nghĩa thông dài ngắn, cho nên nói: danh thuyên tự tánh, cú thuyên sai biệt. Đây cũng không luận về hình thức cấu trúc và thể loại sáng tác văn thơ. Nay chỉ dùng câu mà phân biệt văn kia, cho nên nói “Văn cú”. Chương số xưa thì hoặc riêng đề Số hoặc riêng đề Chương. Chương: là văn chương hoa mỹ. Kinh Thi nói: “Văn chương ấy đều do nhân sĩ (người có học vấn) phát ra lời nói thành chương, cũng gọi là chương đoạn. Phân đoạn giải thích thành bao nhiêu chương. Số: là lời ý thông suốt, cũng là biên chép. Lại, số âm sơ, tức sơ thông sơ điều sơ lữ, nay đều không nói ý như trước nói. Đề dưới giải thích ý trong sáu nạn, đây dùng văn dưới trong phần Pháp thuyết tán thán pháp hy hữu. Chư Phật xuất thế xa xôi khó gặp, dù cho xuất thế nói pháp ấy lại khó, vô lượng vô số kiếp nghe pháp ấy cũng khó, năng nghe pháp ấy người này cũng lại khó. Chương an trí nơi kinh đối với pháp nghe và người năng nghe trong hai việc khó, nghĩa chia làm bốn nghĩa là truyền dịch... hợp thành sáu nạn. Nhưng trong nghe pháp thì tại thời Chánh pháp A-nan nghe trong pháp hội, nghĩa thông đời Tượng pháp Mạt pháp, cho nên nhờ truyền dịch thời có thể được nghe. Đức Phật

xuất thế rồi mà người vô duyên vẫn không gặp, cho nên trải qua nhiều kiếp người nghe còn khó hướng chi tu hạnh khai ngộ, nói biên chép lưu thông. Khó thứ nhất và hai căn cứ ở chủ và vị, ba, bốn tán thán giáo, hạnh, năm, sáu tự may mắn tỉnh ngộ. Cho nên thứ nhất và hai tại Phật, ba, bốn thuộc Sư, năm, sáu bài xích mình. Trong ba cặp, mỗi một cặp đều là trước chung sau riêng. Vả lại, khó thứ nhất và hai: xuất thế cũng như chung vì chung một đời. Tiếp đến nói riêng, riêng ở kinh này. Tiếp, trong khó thứ ba, bốn, thì đầu tiên là Sư truyền dịch chung tất cả giáo, tiếp Sư dạy bảo riêng cho ta noi theo. Tiếp, trong khó thứ năm, sáu, thì nghe giảng vẫn thông vì chung với người khác. Một lần ghi nhận riêng chỉ thuộc mình cho nên trong ba cặp từ rộng đến hẹp, càng về sau càng hẹp so với trước. Cho nên từ khi đức Phật xuất thế đến nay, cho đến nghe tự ngộ, vì nói một lần ghi nhận, thế nên ghi nhận Phật thừa thật là rất khó!

Nói chủ vị: Chủ hưng khởi không dễ, lại trải qua bốn vị mới diễn nói kinh này, cho nên nói cái thứ nhất và thứ hai thật là không dễ. Nói tán thán Giáo: Truyền dịch không dễ, trải qua núi biển tuy đến cõi này dân chủ đạo hợp, nước không có các nạn mới có thể truyền. Nói tán thán Hạnh: Là vâng lãnh lời dạy của Nam Nhạc: “chứng không (nhờ) do người khác, mà do từ lâu gieo trồng thiện căn diệu ngộ đến nay phát sinh”. Nói tự tỉnh: Là tự vui mừng được nghe thỏa thuê rồi liền nhớ. Cho nên Huyền Tự nói: “Ở Giang Lăng bầm thọt tôn chỉ mầu nhiệm, ở Kiến Nghiệp mới nghe kinh văn bổ tiếp mới thành một biến mà thôi! Hướng chi hai mươi bảy phen nghe, sáu mươi chín phen chữa trị, từ đầu đến cuối hơn bốn mươi năm, chính là tu bổ phục nạn thứ bảy. Lại đối với sự truyền dịch trước cộng thêm nạn kết tập, trở thành tám nạn. Vì khi kết tập cũng nhờ vương thân đại chúng hòa hợp, khiến cho hoặc ma hoặc ngoại đạo không xâm phạm được. Thêm: là thêm phá bỏ cổ sư và dẫn kinh luận. Nghĩa là bác bỏ nghĩa sai, hiển bày nghĩa đúng. Tước là gọt bỏ sự rườm rà dài dòng cho đến thành văn thể, khiến văn tóm lược mà nghĩa phong phú. Phá Cổ sư không hoàn toàn thuộc về riêng mình, mà còn thêm các ý kiến khác, cho nên chỉ gọi là thêm. Tước là chỉ ở riêng mình, ban đầu ghi chép rườm rà cho nên nói là tước. Huyền Tự nói: “Hoặc dùng kinh luận nói phù hợp với nghĩa sâu xa vi diệu đây, hoặc nêu các kiến giải khác nhau của các sư, nghiệm chứng nghĩa kia sai hay viên mãn”. Lưu tạng hậu hiền nghĩa là: Bài Tựa Huyền Văn nói: “Văn đây nếu rơi mất thì tương lai thật đáng thương!”. Kinh Niết-Bàn nói: “Hoặc cây hoặc đá”. Kinh này nói: “Hoặc ruộng hoặc làng”. Đời sau

hạnh giả biết cam lộ môn chính ở nơi đây. “Cùng hy vọng Phật tuệ” là tự mình chẳng phải ở núi Linh Thứu, thân gần đạo tràng khế ngộ, mà tìm tòi một lời giáo chỉ hiển bày tông chỉ tốt cùng của năm vị, vả lại làm sao để làm nền móng Phật tuệ cho bậc hiền sĩ đời sau ư! Cho nên nói Phật tuệ cần phải khai mở tam giáo quả đầu Quyền Thật, phát bốn vị bao gồm Đại Tiểu thì Nhân, Lý, Giáo, Hạnh có chỗ quay về, Khai Thi Ngộ Nhập không khác, chính là Phật tuệ của Kinh này.

Hỏi: “Viên giáo trong các kinh có khác gì kinh này, mà cần phải nói “Khai” mới là Phật tuệ”?

Đáp: “Viên thật không khác, chỉ khác ở chỗ chưa khai hiển”. Người sơ tâm cho là Viên cách Thiên, nên cần nghe khai hiển thật tướng các pháp.

Nếu đã nhập Thật chỉ luận tăng tiến, thì Quyền nhân (người) đến kinh này, hoàn toàn cần phải khai (mở). “Ủy Thích”... là, biệt giải tên đề khắp cả bảy, tám quyển. Vì trong phần đầu tên tổng đã có ba pháp, ba pháp từ đầu đến cuối chỉ nêu bày một bộ. Vì sao? Vì trong một bộ chẳng gì qua được bản tích. Tổng, biệt của Bản tích lại vượt qua các thuyết. Ba, một trong Tích công cao hơn một kỳ nói pháp, bởi vì ba trong một vĩnh viễn khác với giáo trước, tức ba là một không đồng các kinh khác. Tức là Tích mà Bản đến phẩm Thọ Lượng mới bàn đến, tức Tích của Bản đầy đủ nói ở đây. Vả lại, như thể trong Tích, chẳng phải nhân quả, mà dựa vào thể đó để biện minh nhân quả, nhân quả nhận lấy thể mới có thặng dụng. Như vậy, ba pháp đều do khai hiển. Nếu không trước hiểu rõ diệu lý năng khai, thì làm sao hiểu rõ sự thô của sở khai, cho nên đối Tích biện rõ lý Bản cần phân định, phán xét, do đó giải thích đề không thể không cẩn thận như vậy. Đề kinh trở xuống, biệt giải thích lý chẳng dễ dàng, vì bởi giải thích đề phần lớn nghĩa thuận theo, nên đến kinh văn chỉ thô phân chương đoạn, đề tên “Văn Cú”, chính lý do này. Cho nên, chỉ phân văn cú thì phần lớn lý không được hiện rõ. Chỉ đàm luận yếu chỉ huyền diệu thì mê nên khởi hết, nếu đeo nhau để nói thì kia đây không có điểm quy tụ, cho nên khiến hiểu rõ mà giải thích (tiêu thích), phạm đến nghĩa Đại đều chỉ huyền văn gọi là Thể, Tông, Dụng ba thứ.

1. Tổng biệt gửi theo hành, căn cứ giáo cho nên biết hoàn toàn mê nơi đại tôn chỉ của huyền văn, mà muốn dùng “Văn cú” để hiểu kinh, cố nhiên che lấp lý quán sâu vi tế mà chỉ dùng sự tương giải thích nghĩa, nói rộng kinh này thì lại xa. Nay hỏi người hoằng kinh vì danh lợi che tâm hay vì đại bi lợi ích người? Tự hành mờ tối nơi Diệu tông thì đâu

khác người mù dẫn lối! Kia, đây đều mê, lợi mình, người đều mất. Lại nữa tướng Diệu Pháp chẳng phải chỉ có chánh tông, mà cả hai mươi tám phẩm đều gọi là Diệu, trong mỗi phẩm đều hàm đầy đủ thể v.v... Trong mỗi một câu thông kết Diệu danh, Giáo, Hạnh, Nhân, Lý kia đây nhiếp giữ với nhau, khiến cho diệu chỉ không mất mà dần tựa như mở ra thông suốt. Áo, tòa, nhà, răn bảo tư duy tự khắc ghi, song liệt kê khắp việc khó không thể thường như vậy. Nay tùy nghĩa tiện rộng lược Thích hợp thời, cho nên các phẩm Phương Tiện, An Lạc, Thọ Lượng, Phổ Môn đều là nguồn gốc của bản tích là điểm trọng yếu của kinh này cần phải xác thật phân biệt, ngoài ra thì tùy nghi.

Tự trở xuống một bộ phần lớn tên đã chỉ ở giải thích trước, gọi riêng một phẩm trở xuống là lược trình bày. Ngài Huệ Công cũng nói có hai mươi tám phẩm sinh khởi thứ lớp, nay tùy các vị giải thích căn cứ ý có thể biết. Nhưng mỗi một phẩm ban đầu đều có bốn ý: Thích danh, Lai ý, Thích phương, Thích văn. Thích danh cần phải có bốn nhân duyên v.v... Lai ý, Thích phương hoặc có hoặc không. Có khi trong Thích danh gồm cả Lai ý, có ngăn ngại nên phải giải thích (Thích phương), đâu có lệ như vậy ư? Lại Thích danh cùng nghĩa xen lẫn có không, cho nên Thích danh một thứ hoặc ở trước nghĩa giải thích riêng, hoặc kèm theo danh để giải thích nghĩa. Dù ở trước nghĩa giải thích riêng, mà tức trở lại đem ý riêng để quán xuyên nghĩa, danh nghĩa nếu hiển thì một phẩm có thể theo. Cho nên, khiến mỗi một phẩm hoàn toàn đồng tôn chỉ của bộ. Giải thích như vậy mới sáng tỏ đường mê tùy mình, kia đây hỗn loạn, nếu hiểu được ý này thì đến dưới dễ biết.

Nay ban đầu giải thích danh gọi là Huấn, Tường, Tự. Trước giải thích chữ Huấn, tiếp giải thích chữ Nghĩa, nhưng giải thích trong Huấn lại giống như theo nghĩa. Tường là an tường, Học xá, Dưỡng cung (nhà học, cung nuôi dưỡng) đều chẳng phải ý nay. Bộ Nhĩ Nhã nói: “Vách Đông Tây gọi là tựa, phân biệt trong ngoài”. Đây có thể mượn dùng để giải thích biệt tựa, như do biệt tựa mới khác các kinh. Thông tựa khác ngoài cũng có thể bao gồm dùng, do đó ban đầu dùng chữ Huấn, chính là từ biệt tựa. Cho nên nói: Có cấp bậc... Kiềm dùng an tường tức không phải bỗng nhiên nhảy vượt ý thứ tự, cũng là hai tựa cùng có. Nếu đối biện ắt trước chứng tín sau mới phát khởi, hay trước phát khởi sau mới chứng tín, hay trước hai tựa sau mới chánh tựa, nên hai tựa đều có, trước sau cũng vậy. Cho nên ngài Quang Trạch nói sinh khởi chẳng hoàn toàn sai ý, chỉ thiếu chỉ rõ báo cho nên bác bỏ. Cho nên nói cấp bậc... nghĩa bao gồm Thông, Biệt. Lời hỏi đáp không thiếu nghĩa thông, trước

thụ sau vấn, thứ lớp như vậy. Di-lặc, Văn-thù tứ vị khách chủ, hoặc hỏi hoặc đáp đều là Tựa tựa, phục nghi, phục nạn khách chủ vẫn còn như vậy. Kinh gia đoạn dưới theo chữ Nghĩa giải thích. Ba nghĩa phân hai, tiếp thông hai biệt, thông trong hai bài tựa thông lại biệt đứng đầu. Hai tựa đều đứng đầu thông thì được tên vị đứng đầu ở dưới. Vậy thì hai mươi bảy phẩm mới gọi là kinh. Do Tựa theo Chánh, Thông gọi là kinh, cho nên nói “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Phẩm Tựa”.

Nói nguyên do thuật: Lý do nghi điềm lành, thuật lời hỏi đáp, trong văn không dùng nghi niệm đối với nguyên do thuật, cũng có thể bao gồm cả hai, nghĩa là phát lời nói bày tỏ nghi cũng gọi là thuật. Tập chúng cũng có thể lấy làm nguyên do xa. Vì ít cho nên lại sắp xếp. Nói “lộng dẫn”: là dùng dụ hiển bày, giảng giải dẫn lộng gia nên gọi là “lộng dẫn”. Cũng có thể chánh lộng cũng được gọi là dẫn, như ca dẫn múa, tựa nghĩa có thể biết. Cho nên Chánh thuyết như lộng, hai tựa như dẫn, cho nên dẫn cũng là ca, nghĩa là đàm thuật, cũng là dẫn phát nghĩa. Chương số người xưa lấy âm “Dận” cho thuận tiện để làm “Dận Thích” (giải thích tiếp nối). Lại mê ở “Chương thảo” lấy lộng làm Hô (kêu gọi), lấy Dận làm Triệt. Sự lầm lẫn này từ xưa đã có như thế, chữ Triệt thành chất chồng hai lỗi. Đây đủ ba nghĩa đây, tức là mỗi phẩm bao gồm thông biệt cho nên phải đầy đủ ba.

Phẩm: Tựa danh ở biệt, nghĩa phẩm thì thông xuống dưới các phẩm để thông theo biệt, không giải thích lại, cho nên chỉ giải thích biệt để sắp xếp nơi thông. Trong đây, trước là dịch tên, tiếp là giải thích nghĩa, sau là nêu nguyên do lập phẩm. Nói nghĩa ấy: Là giải thích nghĩa của chữ Phẩm, chẳng phải nghĩa đề của phẩm, cho nên chữ nghĩa thì thông tên đề theo biệt. Nói nghĩa loại đồng, tức các phẩm đều như vậy. “Tụ” là vì cái gì nên xuất ra người đó, ban đầu phẩm chỉ các kinh khác, như Phẩm Tâm Địa Phật tự xưng. Như Đại Luận tức luận thuật một bộ Đại Phẩm các nhà kết tập xưa chỉ ba phẩm: 1. Tựa. 2. Ma sự. 3. Chúc lụy. Nói người dịch: Cũng chỉ Đại Phẩm vốn chỉ ba phẩm. Ngài Cưu-ma-la-thập đời Ngụy Tần năm Hoàng Thủy thứ năm ngày 23 tháng 4 dịch xong. Lại nương bốn ý đại khái thêm thành chín mươi phẩm gọi là Nhân, Nghĩa, Pháp, Sự: Nhân như Lôu-na, Nghĩa như quán không, Pháp như tam giả, Sự như ma sự. Cũng như trong Đại kinh nói Thuần-đà thương tiếc than thở... lại chẳng phải người dịch chỉ hỗ trợ cho người dịch tức phải cảm ơn thêm ngài Cưu-ma-la-thập; căn cứ đây nên biết các kinh không phải đức Phật tự xưng mà cho đến kể kết tập, và người dịch thêm vào.

2. Tiếp chánh nêu kinh này, như phẩm Dược Vương nói: Phật bảo Tú Vương Hoa: “Nếu có người nghe phẩm Dược Vương Bồ-tát Bản Sự này năng tùy hỷ tán thien”... Lại nói: “Tú Vương Hoa! Vì thế ta đem phẩm Dược Vương Bồ-tát Bản Sự giao phó cho ông”. Cho nên nói: “Nếu có người trì phẩm này, sau khi hết thân nữ không thọ trở lại”. Cuối Phẩm Diệu Âm các nhà kết tập kinh nói: “Lúc nói phẩm Diệu Âm lai vãng này có bốn vạn hai ngàn thiên tử đắc Vô sinh Pháp nhẫn. Cuối phẩm Phổ Môn, kinh gia cũng nói: “Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này có tám vạn bốn ngàn chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác”. Cho đến cuối phẩm Đà-la-ni, Diệu Trang Nghiêm Vương khuyến phát đều như vậy cho nên nói “đẳng”. Người dịch chưa nghe thì kinh này không nói, nếu không có các tập gia nói và không có Phật tự xưng nói, thì giống như thuộc về người dịch, do trong văn các phẩm trước đây đủ, nên biết đều là kết tập sắp đặt, tin rằng không có người dịch là rõ. Cho nên kinh này từ các phẩm khác trở đi, phần nhiều là người kết tập đặt để, do không có nói lợi ích nghe phẩm nên ở sau phẩm không có kết đó thôi. Dùng thông theo biệt nên đây đủ bốn giải thích, do trong thông tựa mỗi một câu đều có bốn thứ nhân duyên v.v... khi biệt tựa hoặc thiếu một, hai thứ, cho nên giải thích chữ Tựa thiếu bốn nghĩa. Nếu hai bài tựa tương đối thì nghĩa lập cũng có thể, hai tựa không đồng, là nghĩa Thế giới. Biệt tựa phát khởi hâm mộ tức là Vị nhân, thông tựa chứng tín trừ nghi là Đối trị, hai tựa giới thiệu chánh là đệ Nhất nghĩa Tất-đàn. Căn cứ giáo... ba thứ đầy đủ, như giải thích trong ba đoạn. Nếu riêng căn cứ ở thông tựa thì năm nghĩa không đồng là Thế giới, thông đều trừ nghi là Đối trị, thông đều sinh tín là Vị nhân, thông đều Tựa Chánh là đệ Nhất nghĩa. Ba thứ còn lại và biệt tựa, căn cứ đây có thể biết. Từ “Đức Phật phó duyên” trở xuống, là muốn phân tiết kinh văn, trước biện rõ phân văn có không được mất, trong đó có bốn: Một, rộng dẫn các kinh luận. Hai, xưa giải thích sai lầm. Ba, nêu phẩm chẳng có chương đoạn. Bốn, rộng nêu phân tiết. Đầu văn hoàn toàn chẳng phải phân văn. Tiếp đến lỗi xưa tức là các vị giảng xưa phần nhiều không có phân chia tiết, đến An Công kinh không có Đại tiểu mới bắt đầu phân ba đoạn: Tựa, Chánh, Lưu thông. “Đãi” là nguy vậy, chẳng phải ý chính nay cũng gần như vậy. Tây Kinh Vũ nói: “Đời người bao nhiêu lần mất”. Nói khởi tận: Từ đầu đến cuối chương vậy. Nếu phân tiết rồi thì đại tiểu đều có tổng biệt khởi tận. Phần ba, từ “Lại đức Phật nói” trở xuống, ý nêu rõ lập phẩm, chỉ theo nghĩa loại không theo văn tướng, cho nên xét theo hai tướng “quán, tán” không thể lập phẩm, cũng chẳng

phân tiết. Phần bốn, từ “Kinh Tăng Nhất A-hàm” trở xuống, kinh luận cũng có phân tiết, hướng chi đời pháp hoàng kinh cần phải hiểu biết khách chủ, cho nên Tiểu thừa tam tạng đều có sở khai. Bài tựa Kinh Tăng Nhất nói: “A-nan nói kinh vô lượng, số nay lại tổng lược làm nhất tụ, ta nay chia làm ba phần: Khế kinh một phần, luật hai phần, A-tỳ-đàm kinh làm ba phần”. Khế kinh nay sẽ chia làm bốn đoạn: 1. Tăng Nhất A-hàm. 2. Trung. 3. Trường A-hàm, nhiều Anh lạc. 4. Tụ A-hàm. Chính dùng bốn kinh A-hàm, gọi là bốn đoạn, cho nên nay nương theo ý đó chia làm bốn tiết. “Luật khai năm bộ”: Sau khi Phật diệt độ một trăm năm, có ngài Cúc-đa trì pháp giáo hóa chúng sinh, không có tướng thị phi chỉ làm một bộ không có Tỳ-ni tạng, tức Bát Thập tụng luật. Một trăm năm sau, năm đệ tử của Cúc-đa mỗi người có mỗi kiến chấp riêng không thể dung hòa làm một, liền phân một tạng ra làm năm tạng khác, như chẻ gậy vàng mà không mất dụng của vàng. Nay phân chia vẫn cũng như vậy, tuy phân chia làm nhiều đoạn mà biết đại ý chỉ vốn có một. Vì sự phân ra là đối với bản cũ nên nói là “kịp”. A-tỳ-đàm chia ra Lục túc, trong văn tự dẫn A-hàm lục độ không phải Lục Túc luận. Như kinh Tăng Nhất nói “Bồ-tát phát khởi Đại thừa pháp, Như Lai nói chủng chủng pháp này, người tôn kính nói lục độ vô cực: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ lực, như trăng bắt đầu rồi đến độ vô cực soi thấy các pháp, Đức Phật nói các pháp không ra ngoài sáu thứ này”. Cũng giống như ý phân chương, nên Lục Túc luận hoàn toàn chẳng phải ý đây, như nói: 1. Tập Di môn túc, một vạn tám ngàn bài kệ do Xá-lợi-phất trước tác. 2. Pháp uẩn túc, có sáu ngàn bài kệ do Đại Mục-kiền-liên tạo. Hai luận này đời Đường ngài Tam Tạng dịch. 3. Thi-thiết túc, một vạn tám ngàn bài kệ do Ca-đa-diễn-ny Tử tạo, Đường Tam Tạng tương lai chưa dịch. Ba luận đây được tạo khi Đức Phật còn tại thế. 4. Thức Thân túc có bảy ngàn bài kệ do Bà-thiết-ma tạo, tức sau khi Phật diệt độ một trăm năm. 5. Phẩm loại túc, sau khi Phật diệt độ ba trăm năm do Thế Hữu tạo. 6. Giới thân túc, có sáu ngàn bài kệ, cũng do Thế Hữu tạo. Ca-đa-diễn-ny tử tạo Phát Trí luận, dùng sáu nghĩa trước ít như chân; Phát Trí nghĩa nhiều như thân, tức chân có trước mà thân có sau, phân nghĩa không tiện, hướng chi sáu luận đây đều là đời Đường Tam Tạng tương lai, đời Tùy chưa có nên không hợp chỉ (ngón tay), hướng chi không có tướng phân tiết (lóng). Trong đó phá rằng: ba luận trước đã tạo ở thời Phật tại thế, vì sao tiếp cùng luận được tạo sau khi Phật diệt độ làm Túc? Chưa hẳn hoàn toàn như vậy, vì thân nhiếp chân (Túc) đó thôi. Lại Thành Thật luận nói: “Như Lục túc A-tỳ-đàm nói là

chỉ Lục tức A-tỳ-đàm luận, cho nên không đối với Phát Trí luận làm thân, nghĩa là căn tánh lược nêu làm Kiên-độ. “Kiên-độ” là âm Tây vực, đây gọi là “Pháp tụ”, vì phân một bộ làm tám tụ: Nghĩa là Nghiệp, Sử, Trí, Định, Căn, Đại, Kiến, Tập. Văn nói: “Căn tánh đạo định”, căn tánh là Căn, đạo tức là Trí. Chỉ lược nêu ba, ngoài ra như trước nêu.

Đại luận hỏi: “Tám Kiên-độ ai tạo? Lục phần A-tỳ-đàm xuất xứ từ đâu? Đáp: Đức Phật tại thế không mất, sau khi Phật diệt độ một trăm năm vua A-thâu-kha hội các luận sư vì sinh các bộ riêng, có người lợi căn, đọc hết Tam tạng muốn giải kinh Phật làm tám Kiên-độ, sau các đệ tử vì người đời sau không thể giải hoàn toàn mà chỉ lược làm A-tỳ-đàm. Người làm đầu tiên là Ca-chiên-diên. Ngài Thiên Thân trở đi tiếp dẫn luận nay có bảy công đức năm thị hiện... để liệt phân chương.

Bảy công đức: Luận nói pháp môn đây, đầu tiên phẩm thứ nhất nêu bảy thứ công đức thành tựu: 1. Tựa thành tựu. 2. Chúng thành tựu.

3. Từ câu: “Vì các Bồ-tát nói kinh Đại thừa” trở xuống là muốn nói, tức Thời chí thành tựu. Nếu nói kinh Vô Lượng Nghĩa thì muốn nói đến Pháp Hoa, là Thời chí. 4. Từ “Nói kinh này” trở xuống, là pháp sở thuyết, tức Tùy thuận oai nghi trụ thành tựu. Do nhập định nên gọi là oai nghi trụ. 5. Từ “Phóng quang” trở xuống, là y chỉ thuyết Nhân thành tựu, do phóng quang nên thấy thuyết ở các cõi khác. 6. Từ “Di-lặc niệm nghi” trở xuống, nêu đại chúng muốn nghe pháp, tức Hiện tiền thành tựu. Do hỏi nên đáp, cho nên nói “muốn nghe”. 7. Từ “Văn-thù đáp câu hỏi” trở xuống, gọi là Văn đáp thành tựu. Luận nói: “Tựa thành tựu lại có hai thứ: Thứ nhất, thù thắng trong tất cả các pháp môn, là các thứ Như thị nghiệm biết luận chủ hoàn toàn chấp nhận một bộ, vì thù thắng trong pháp môn, mới chỉ các thứ Như thị là thù thắng trong tất cả pháp môn, mà tất cả pháp môn tức một đời giáo, nếu không như vậy thì đâu có giải thích nói là tất cả pháp môn. Đã là tối thượng trong một đời giáo hóa, đầy đủ như trong phẩm Dược Vương. Thứ hai, văn tán thán giáo. Còn lại sáu thành tựu dưới đều có phân tiết.

Năm thị hiện: Luận cũng nói có năm phần: 1. Tán thán pháp thắng diệu.

2. Từ “Ta thành Phật đến nay” trở xuống, là Tán thán công đức Pháp Sư. 3. Từ “Bấy giờ trong chúng” trở xuống, là Trí chúng định nghi.

4. Từ “Đức Phật bảo Xá-lợi-phất” trở xuống, là Định ký. 5. Từ “Xá-lợi-phất! Chư Phật xuất hiện đời ngũ trược” trở xuống, là Đoạn nghi.

Từ “Hà Tây” trở xuống, là chánh nêu phân tiết. Hà Tây như bản truyện, Giang... Diêu tức Ngô hưng Tiểu sơn tự (đầy đủ như biệt truyện). Quang Trạch chuyển tế: Như Đông An pháp sư (đời Đường

Đông Dương Vĩnh An Tự Khoáng Pháp Sư) giảng tam luận và các kinh Pháp Hoa... đều biên tập chương số, đến ngày mười lăm tháng giêng năm Trinh Quán thứ mười ba thì nhập diệt. Trở lại chịu khuất tam chỉ tức là quả nhân (người) thứ ba, biên chép Pháp Hoa số bốn quyển: Đầu nói: từ đời Lương Trần đến nay giải thích Pháp Hoa chỉ lấy theo ngài Quang Trạch riêng chọn nghĩa hay, các học giả sau chỉ đại khái giống như sấm. Sư Vân tuy có xem qua mà vẫn còn luộm thuộm. Ta suy xét lâu năm chỉ thấy văn cú nhiều lộn xộn chương đoạn trùng lặp, tìm văn nghĩa kia chưa rõ ý chỉ. Nay đối với nghĩa của sư Vân để nghiên cứu pháp thật, đại sư chuyên phá bởi có nguyên do. Cho nên biết sư Vân so với trước càng phức tạp. Nay đây không có hai lỗi kia, chỉ còn đại, chỉ không có sự phiền toái.

Từ “Trùng phân” trở xuống, là chương an bài bác xưa. “Phân”: là tuyết đọng nhiều lớp sương nặng che lấp khí trong xanh của thái hư khiến tam quang ẩn mất sự chiếu sáng, cho nên phân văn lộn xộn làm mất đại đạo của kinh, ba phép tắc ẩn mất mà chẳng dụng. “Tân”: Là bến bờ, nơi cứu vớt. Nếu phân nhỏ đoạn ngắn, thì không thích nghi cho người cầu ý chỉ của kinh, ví như giữa ngã ba đường có người hỏi đường, không đáp câu hỏi mà chỉ rộng luận rộng bàn con đường lớn rộng thông bốn phương tám ngã, đó không phải là điều cần thiết cho người hỏi. Ngài Đàm Loan người Bắc Tề chê rằng: Kinh văn khoa điều phân nhỏ như khói mây... bị gió thổi bay đi. Dương: Là gió bay. Che khuất thái hư rộng lớn lộn lộn... căn cứ nghĩa trên kia nên dùng chữ “điều lệ”, nghĩa là khoa điều như vi trần, hoặc là chuyển lời nói ấy mượn thế dùng lời chẳng hoàn toàn đồng với kia. Cát đá tinh chất gọi là đá mài, thô gọi là khoáng, tạp vi trần tùy theo gió thổi bay đồng với khói kia che lấp. Nói “nếu quá...” là đem đây so với xưa, tiến thoái đều sai lầm. Vậy thì ngài Đàm Loan cũng chưa hoàn toàn chưa chịu phân tích rõ kinh văn. Lô Sơn Long có hai giải thích: Trước nói thân phương tiện... ý nói từ phẩm Bảo Tháp về trước nói quyền nói thật, cũng do trước Pháp Hoa là pháp Quyền vì nói phương tiện, đến Pháp Hoa là nói chân thật. Từ phẩm Bảo Tháp về sau, cổ Phật hiện toàn thân, nay Phật nhóm tập phân thân. Thân xưa ra lệnh bảo thân nay, thân nay đến thân xưa, hai thân đều ở trong tháp là tiêu biểu pháp xưa nay đồng thân phương tiện. Phẩm Thọ Lượng nói từ lâu đã thành đạo, số kiếp như trần đếm còn gấp bội, trung gian rũ áo ở Già-da chẳng phải chân thật, thân chân thật. Đạo lý ắt như vậy, thiên lập thành sai lầm. Trước có thể không có thân, sau đâu thể không nói! Chỉ dựa vào Quyền Thực Bản Tích tự nhiên đều thu về nói

thân. Nếu chỉ nói thân thì Bản Tích sự hôn mê, chỉ luận Bản Tích thì thân nói tự hiển bày. Cho nên trong phẩm Thọ Lượng nói: “Hoặc nói thân mình hoặc nói thân người”, nên thân nói đầy đủ. Từ Phẩm Phương Tiện trở xuống nói ắt có thân, đâu cần phải dẫn đến mê hoặc.

Trong giải Thích thứ hai, Huyền văn rộng phá, do hai môn này mỗi mỗi đều có nhân quả. “Tề Trung Hưng ấn” là: “Chùa Trung Hưng (đầy đủ trong Biệt truyện) Ngài Huyền Sướng lấy phẩm Đề-bà-đạt-đa và Trì làm Tích môn lưu thông, và đem các phẩm Thần Lực v.v... trong phần Lưu thông ở sau phẩm Thọ Lượng của Bản môn, cùng làm phần quả, quả tại Bản môn. Lại phân hộ trì, hộ trì là tên khác của lưu thông cho nên không thể. “Lại có Sư” trở xuống, ý Sư này lấy chánh tông làm thể, chỉ dùng chánh của Tích không biết lấy chánh của Bản môn trở lại làm lưu thông, mà nói thọ trì công đức. Tích cùng giáo xưa dung hợp có thể giống, Bản cùng kinh trước hoàn toàn vĩnh viễn sai khác, trở lại vĩnh viễn sai khác hỗn loạn lưu thông cho nên không thể dung. Có sư nói bốn đoạn chỉ hợp hai, ba làm chánh, rất phù hợp kinh văn, chỉ thiếu lập hai môn Bản Tích, ý nói đều có ba đoạn đó thôi! Kia danh đã thiếu, thì nghĩa sợ không đủ. “Ngài Quang Trạch nói có hai mươi bốn đoạn, đầy đủ trong lời sơ kia nói v.v...”, là tượng khí phân tán như mây trên trời không thể mất lượng. “Ý nói” trở xuống, là chưa nói còn nhiều như mây. Dưới có liệt nêu ngài Quang Trạch phân văn phần nhiều cùng nay giống nhiều khác ít.

“Lan cúc”: Chương an phá chấp. Đức Phật phó cơ nói đương thời xứng hội, đời sau phân tiết nương đây hiển bày lý, cố chấp thành tranh cãi tiến thoái đều trái, dù có khác đồng lan cúc kia “nhưng vẫn tùy thuận được ý” là nói, dù không hoàn toàn trái với tâm thánh mà cuối cùng chỉ là kiến giải tùy tình của người. Hoặc được thông dụng thô thiển, không nên khổ đấu tranh sợ mất bốn lợi ích. Kinh Dịch nói: “Mùi kia như hoa Lan”. Người xưa đều lấy hơi làm mùi. Thiên Thai: Chương an đối xưa cho nên phân biệt nói. Tên gọi Thiên Thai, nói đủ như Chỉ quán ký. “Nay ký...” tuy lại hiện có hai ý, mà dụng ý ban đầu, cho nên nói “theo trước”.

Hỏi: một kinh có nói những gì? Hỏi: Ý hiện có hai giải thích? Hỏi giải thích sau có ngăn ngại gì? Cho nên trong hai giải thích không chuyên giải thích sau tức là dùng Bản chánh trước lập lưu thông, lại nhất vắng (một phen) đó thôi. Trong phần trả lời nói: “Hoa Nghiêm mỗi mỗi nơi tập chúng”, là xứ hội đầy đủ như dẫn ở Thích Thiêm, mỗi một hội xứ đều trước là Tựa, tiếp theo là Chánh. Do trú xứ trang nghiêm nghĩa

sẽ nơi Tựa. Nói tập chúng: Như Phẩm Diệu Nghiêm phẩm Danh Hiệu, phẩm Quang Minh Giác và mỗi một hội, đều trước tiên phải tập chúng. Ý nêu rõ một kinh đầy đủ nhiều biệt tựa. “A-hàm mỗi mỗi thiên như vậy”, đây là nêu rõ một kinh nhiều thông tựa. Bốn kinh A-hàm kia đều hợp với nhiều ít kinh lấy làm một bộ. Mỗi một kinh nhỏ không ra ngoài một tờ giấy nửa tờ giấy, chỉ Trường A-hàm Du Hành kinh văn riêng có hai quyển, lại có Đại bản kinh tự làm một quyển. Mỗi một đầu kinh đều có năm nghĩa, đã dùng A-hàm mà làm thông hiệu, cho nên dùng kinh nhỏ trong một bộ làm thiên. “Đại Phẩm trước sau phó chúc”, là nêu trong một kinh có nhiều lưu thông, cho nên trong quyển hai có phẩm Lũy giáo làm phó chúc trước. Thứ hai mươi bảy có phẩm Chúc Lụy làm phó chúc sau, căn cứ ba kinh hai tựa kia đâu có gì ngăn ngại.

“Nói năm nghĩa của không an” là giải thích phục nạn, nạn rằng: “Nếu vậy thì sao không đồng với A-hàm kia, nay bản tích cũng an như vậy... ư!” Giải thích ý: Tuy trình bày kinh này Bản môn chẳng phải ở đâu, nhưng cần phải giải thích A-hàm phòng ngại. A-hàm nhiều thông tựa, Bản môn cũng như vậy; nhưng A-hàm bao gồm nhiều kinh khác cho nên không phải tiếp phần đầu cũng được an năm việc. Kinh này đồng một kinh cho nên chỉ biệt mà không thông, vì vậy chỉ lấy Hoa Nghiêm để so sánh. Bởi vì A-hàm duyên khởi đều riêng, duyên khởi của kinh này không khác, nên Bản môn không an năm nghĩa. “Tích môn chỉ riêng lưu thông”, là dùng Tích vọng Bản, dùng Bản để ước lệ Tích. Bản môn chẳng phải ở đâu, nên chỉ an biệt tựa. Tích môn chẳng phải sau, nên chỉ riêng lưu thông, nên chỉ có khuyến trì, mà không có chúc lụy. Cho nên từ phẩm Pháp Sư đến phẩm An Lạc Hạnh gồm có năm phẩm nêu rõ hoằng kinh phước sâu để khuyến lưu thông. Nếu trong Bản môn trước dùng năm phẩm sau khi Phật diệt độ xuống ba phẩm rưỡi làm khuyến trì lưu thông thì từ phẩm Thần Lực... xuống gồm có tám phẩm nêu rõ chúc lụy lưu thông, vì sau Tích môn kinh đã chưa xong, chẳng phải lưu thông, tiếp chưa cần phó chúc. “Nói như vậy”, là như sau hiểu rõ văn. “Nói giải thích”: là chỉ nay với cách phổ thông hiểu kinh còn khác các kiến giải, hướng chi bộ Pháp Hoa lại khác các kinh, cho nên mỗi mỗi câu bốn ý giải thích cho rõ. Văn sợ người đời sau không hiểu thấu bốn ý, nên dự định làm bốn điều quan trọng để giải thích cho rõ bốn ý. “Nói đặc ý”, là đến khi giải thích văn, hoặc bốn ý không đủ, chỉ còn một, hai ngoài ra so sánh biết. Tiếp giải thích nguyên do bốn ý: Ý hỏi thứ nhất: Nếu lược chỉ là một, rộng thì vô lượng, đã chẳng phải rộng lược thì hai đường không thành. “Phỉ” là không phải. Vì sao chỉ làm

bốn giải thích này ư? Đáp: Trong một văn đầy đủ có hai ý: 1. Tổng nêu nguyên do bốn nghĩa. 2. Nêu trong bốn nghĩa mỗi một đều có nguyên do. Hai nghĩa đều được lấy làm chỗ giữa. 1. Chỉ bốn không nhiều không ít. 2. Nhân duyên... nêu rõ mỗi mỗi không sai không lầm. Một tuy ở giữa vẫn cần đến bốn. Bốn nhiếp nghĩa đầy đủ, nên không cần quá. Cho dù hơn đây mà đều nhiếp nơi bốn nghĩa, cho nên bốn và một đều gọi là ở giữa. Như thập diệu... thì trong mỗi một diệu cũng đầy đủ bốn ý. Mười cũng nhập bốn, cũng gọi là ở giữa. Nay chỉ cần bốn thứ này, cho nên được gọi là giữa, cho nên ý đầu nói: “Rộng thì...” Nếu không có ý thứ nhất thì vẫn không khác ngoại chấp, huống chi nhân duyên nói thông, thông nơi “một hóa”. Bắt đầu từ địa ngục, cuối cùng đến Phật giới, trung gian đốn tiệm hoặc giáo hoặc vị, cho nên phải biết việc lớn từ Tất-đàn chẳng ngoài cảm ứng, khai hiển tứ Tất-đàn Nhất đạo không ngoài. Từ lâu xa các kinh không có tứ Tất-đàn, quán tâm, tứ Tất-đàn, nhất quán biến thân bốn thứ: nhân lý... chuẩn theo lời nói có thể thấy. Dùng tứ Tất-đàn đây thông từ đầu đến cuối. Căn cứ ba thứ: Giáo... cũng cần thuật khắp. Ý thì có thể biết, nếu không có ý tiếp thì không biện rõ Thiên Tiểu giáo, cho nên dùng tứ giáo hay bát giáo phân chọn khai bỏ... đối với bộ giáo xưa, nay mới chân thật, tất cả giáo lý năng thuyết lại không có khác danh xưng. Cho nên phải nêu rõ điều đó để làm sáng tỏ Diệu Kinh. Không có ý thứ ba thì ai biết tìm ra? Trong một kỳ giáo đã luận đàm thân cõi, trung gian ngày nay không gì không là Tích thiết lập. Chỉ đức Đại Thông kia cũng như tin từ trước, trước đã mật dạy lại mê thân Tích, đến phương này sự cố chấp vẫn còn mê muội. Nếu không có ý thứ tư, thì làm sao để biện rõ công giáo năng thuyết, làm sao cho là từ lâu thành hạnh bản? Cho nên mỗi một câu nhập tâm thành quán. Cho nên nói: “Quán cùng kinh hợp, thì không phải đếm cửa báu của người khác”. Mới biết một bộ Chỉ Quán là chuyên đề của Pháp Hoa Tam-muội. Nếu hiểu được ý này thì mới hội nhập yếu chỉ của kinh. Tổng bốn nghĩa đây thì mới có thể lược hiển bày yếu chỉ quy tụ của một bộ, cho nên nói lược thì ý không cùng khắp. Nên biết hai ba còn lược, thì một đâu có thể bằng, ở giữa đến bốn khiến nghĩa dễ hiểu, cho nên mỗi một câu được bốn nghĩa này thì khiến mỗi một câu đều khác các giáo, thì nghĩa Pháp Hoa thật là không khó cho nên nói dễ hiểu.

“Tiếp nhân duyên...”, nêu mỗi mỗi biệt giải thích, trong đó ban đầu là nhân duyên. Tiếp, “Nếu mười phương...”, là ước về giáo. Tiếp, “Nếu ứng cơ...” là bản tích. Tiếp “Nếu suy tìm...” là quán tâm. Ban đầu nhân duyên: Đầu văn chánh giải thích, ban đầu từ “Như thị...” cuối đến

“mà lui”, thì không gì không là chân thật cảm ứng đạo giao, cho nên biết kinh này cảm ứng vi diệu. Pháp Hoa về trước Tiểu thừa và độn căn nhất hưởng không có cơ duyên. Lý đúng mà mê, nên nói “tuy gần”. Căn cơ sinh mà chưa khế hợp, nên nói “không thấy”. Từ phô bày từ đầu đến cuối gọi là “thiện căn lực”. Sự lý không đồng, gọi là “xa”. Không mưu mà hội, gọi là “tự thông”. Cho nên trước lúc ấy cảm ứng diệu đạo chưa giao kết, các bộ có khác có đồng, giáo chủ có hơn có kém, lợi vật tiếm đốn thi thiết không đồng, nhất nhất thấy đều là ý cảm ứng. Tuy chung gọi là “cảm ứng”, mà hiển lợi ích chưa cùng khắp, tuy chung gọi là Tứ Tất-đàn mà sâu cạn có sai biệt, hoặc bao gồm hoặc riêng dư thiếu không quen, đến Pháp Hoa mới thành một vị.

Nói “không có căn cơ”: Xét lại vì xưa không có mà giải thích nay có. Từ “Từ thiện căn” trở xuống, là chánh nêu nay cảm cho nên có, nay ứng nêu xa mà thông suốt thời không sai khác, lòng từ vô duyên biến khắp đâu lựa chọn xa gần. Chỉ không có cơ duyên thì gọi là “xa”, có cảm ắt thông. Chư Phật không có đến, chúng sinh không có qua, chỉ cơ ứng tương xứng, gọi là “đạo giao”. “Từ thiện căn lực”: là tương thông sự biệt, sự kia lược như Chỉ Quán quyển thứ sáu ký dẫn, Đại kinh quyển mười bốn phẩm Phạm Hạnh nói: chư Phật thần biến đều lấy Từ làm gốc, cho nên tất cả pháp lập đều do từ. Cho nên kinh nói: Nếu có người hỏi cái gì là căn bản của tất cả pháp, thì nên nói là Từ”. Vì thế, dùng cảm ứng nhiếp tất cả pháp.

Tiếp: “Phàm chúng sinh...” trở xuống, là nghi vấn ý: Đã nói bốn nghĩa rồi nói ở giữa, chỉ một nghĩa nhân duyên mà cơ duyên rất nhiều (chúng), ứng với chúng nghĩa kia lại rộng sao gọi là ở giữa? Nghĩa tự như vượt quá bốn, nên gọi là lại (cánh). Nói chúng: tức năm thừa chín giới... Tiếp: “Đại Kinh...” trở xuống, là đáp ý, bốn còn ở giữa thì một rộng đâu có sai, cho nên trong nghĩa rộng của Sự cũng gọi là ở giữa. Cho nên dẫn Đại Kinh nói môn tuy vô lượng thần thông nhiếp hết, mà thần thông là tên khác của ứng, đối cảm tức gọi là cảm ứng. Nhưng danh nghĩa thần thông bao gồm Đại Tiểu, nói cảm ứng chỉ hạn cuộc nơi Đại. Trong Đại thông ở Địa, Trụ trở lên. Nay đây chính đang là dụng của cực quả, cho nên một danh xưng thần thông thấu nhiếp tất cả, mà còn được gọi là lược, nghĩa chẳng rộng lược đâu không ở giữa ư! Năng ứng đã vậy, sở ứng chuẩn theo đây, cho nên dù ứng tuy chúng mà không quá nơi Từ, cầu thoát tuy nhiều đâu ngoài nơi cảm, cho nên hai chữ “cảm ứng” ở giữa là rõ ràng vậy.

Tiếp: “Nếu mười phương...” là căn cứ trong giáo trước nêu rộng

thoát ngăn ngại, Tiếp: “Nay luận...” giải thích ra ngoài “ở giữa”. Đầu tiên thoát khỏi ngăn ngại, tức hai tên “Cảm, Ứng” mặc dù là việc ở giữa mà luận chung là Hóa sự, mười phương, sáu trần giáo pháp càng rộng, vậy thì căn cứ giáo “ở giữa” không thành.

Tiếp giải thích: Nay luận về cõi Sa-bà chỉ thọ lãnh Thanh giáo (dùng âm thanh để giáo hóa), tuy có hiển mật hoặc khai hoặc phế mà đối với các cõi kia cũng gọi là “ở giữa”, vậy thì khiến Thanh giáo trước cảm ứng “ở giữa” lại rõ ràng thì cam lộ môn khai tức chính nêu lợi ích của tiếng. Cho nên, thật tướng là cam lộ, các giáo gọi đó là môn, môn không khai mở lý chẳng thông tắc. Cõi đây thích hợp chẳng mượn các trần, do thông lý nên gọi là môn khai. Nói “y giáo”: lẽ ra gọi là thanh giáo, chỉ là nói lược. Tuy có diệt hậu sắc kinh cho đến danh cú hành uẩn sở nhiếp. Trong kinh Tịnh Danh dùng cơm thơm và pháp hành tư duy mà ngộ... đều dùng tiếng từ kim khẩu dạy bảo làm gốc, không ít không nhiều, nên gọi là minh (rõ).

Căn cứ Bản tích: trước nêu rộng biện minh sự ngăn ngại, tiếp từ “thuận phải an trí chỉ” trở xuống, là giải thích thoát khỏi “ở giữa”. Tiếp, “Cho nên Triệu” trở xuống, là dẫn Triệu chứng thành. Đầu văn: Ứng cơ nêu nhân duyên trước, thiết lập giáo nêu trước ước về giáo. Cơ nhiều giáo khác, Tích kia ắt rộng, nên biết Bản tích không gọi là ở giữa. Nếu căn cứ môn khai mà nói, thì chỉ viên ở giữa đã như trước nói, nay đem Bản hướng về Tích là trung gian ngày nay. Thanh giáo cảm ứng khai rồi lại thí, phế xong lại thiết lập, cho nên nói Quyền thật. Một đời còn rộng, hướng chỉ thật thành về sau, ở chặng giữa thi hành giáo hóa đối cơ sai biệt. Nói “cạn sâu”: Quyền thật về lý thì nhất định là nghĩa thông sâu cạn, cho nên nói lập lại. Tiếp nêu “ở giữa”: trước dùng thanh giáo hướng đến cảm ứng, cho nên đem Sa-bà mà đối mười phương thì thanh giáo Sa-bà, nghĩa ở giữa đủ. Nay muốn luận một là Bản cho nên lại đối nhiều là Tích, tích nhiều tuy rộng, như ngón tay chỉ cho thấy một mặt trăng thì các bóng tự trở về, đâu có thể dùng năng chỉ (là bốn ngón tay) là có bốn, để khiến sở chỉ (một mặt trăng) chẳng phải một, cho nên an trí Tích xét tìm Bản thì ở giữa thật rõ ràng.

Tiếp, “dẫn lời Triệu sư”: chỉ mượn lời kia không dùng sự kia. Ngài Triệu dùng chín Triệt dung thông. Chín Triệt chưa thích hợp dẫn thì như thế nào? Cho nên “Bản tích vô sinh Triệt” nói: Đa Bảo chẳng diệt, Thích-ca chẳng sinh, Đa Bảo là Bản Thích-ca là Tích, Bản không diệt, Tích cũng chẳng sinh, bất sinh bất diệt, bản Tích tuy sai khác mà là bất tư nghì Nhất, đâu được dùng Đa Bảo làm bản, thùy tích ở Thích-ca?

Nếu mượn kia hiển nay, lấy lâu làm Bản, hướng về nay là Tích, thì Bản Tích tuy sai khác mà bất tư nghì đều là một.

Tiếp nêu “Quán tâm”: Cũng trước nêu rộng phân biệt lỗi. Tiếp, từ “Chỉ quán...” trở xuống, là chánh nêu ở giữa. Đầu tiên nói tìm Tích v.v... là nói ba ý trước. Có hiểu mà không hành thì đâu có lợi ích tự tha. Tích biến khắp mười phương, cho nên gọi là “rộng”. Bản chỉ cái đầu tiên, cho nên gọi là “cao”. Luống xét tìm quả của người khác là cao rộng, thì có ích gì cho sự sâu rộng của nhân tu của mình. Nếu dùng Tín hành làm thừa và biết thường trú thọ mạng lâu dài, thì xét tìm cao rộng của người khác có gì mà không thể ư! Chỉ thiết lập giáo là để hiển Bản, bản khiến khế hợp với Ly, cho nên không khế hợp lý thì gọi là “đếm bấu của người khác”. Kệ trong kinh Hoa Nghiêm đầy đủ như Chỉ Quán Ký và Thích Tiêm. Chỉ quán tâm cho nên thấu đạt tâm mình cao sâu, thấy được Bản của mình. Dùng Lý thấu nhiếp cho nên thấu đạt tâm mình bao quát rộng lớn, thấy được Tích của mình. Nhất niệm tâm khởi thì thấu triệt nguồn gốc thật tướng, cho nên gọi là “cao”, đầy đủ các pháp nên gọi là “rộng”. Lại, tức quyền mà thật cho nên gọi là “cao”, tức thật mà quyền cho nên gọi là “rộng”. Nếu không phải là quán này thì chỉ cảm ba ứng trước. Từ “thì giáo...” trở xuống, là cần khai quả, Quyền thì nên bỏ, cho nên giáo bị hội gọi là “hữu cùng”, quyền quán nên cải đổi, cần cơ chẳng diệu cảm, cho nên cơ thành thân cận, mới có thể cảm, quán thành nhập vị thì lợi mình chẳng phải người. Vì vậy cho nên quán tâm đầy đủ ba ý trên, hướng chi nhập vị có Bản thù Tích thiết lập giáo? Ba nghĩa đầy đủ, đâu được không dùng? Cho nên, quán tâm ở giữa. Tuy là bốn ý mà lần lượt tương sinh, lấy trước trước làm “rộng”, sau sau làm “giữa”, chỉ còn đương phần đều gọi là “giữa”. Cho nên bốn ý này theo sự mà có tên khác, ứng với sau sau chuyển nhập trước trước, luận chung quán ấy không vượt qua cảm ứng. “Chỉ ban đầu gọi là cảm ứng”, nghĩa là: bỏ thông theo biệt, do không có ba thứ dưới, thô diệu chẳng phân biệt, cho nên tứ Tất-đàn sâu cạn chưa phân rõ, nên được Thanh giáo mới biện rõ cảm ứng quyền thật không đồng, là công hội qui viên cực giáo. Tuy biết viên cực đều ở kinh này, mà còn che lấp lâu thành mê bản kia. Nếu rữ Tích ứng đều do Bản hiện, trong khai Tích cảm ứng, tức Bản địa cảm ứng, bản tích chỉ là nhất diệu cao rộng. Tuy biết cao rộng mà cơ thành do quán, quán thành có cảm chân thật cảm ứng. Cho nên biết cảm ứng thông suốt ba thứ dưới, hướng lại nhất nhất lần lượt thu nhiếp nhau, về lý tuy tương nhiếp mà sự ắt phân biệt.

Ba dẫn chứng: “Thứ nhất” là dẫn chứng cảm ứng. Từ “Lại nói”

trở xuống là dẫn chứng giáo tướng. Từ “Thọ lượng” trở xuống, là chứng Bản tích. Từ “Thí dụ...” trở xuống, là chứng quán tâm. Văn thứ nhất dẫn chứng cái thứ nhất. Từ “Nếu nhân thiên...” trở xuống, là giải thích. Thứ nhất nói nhân duyên tức tên khác của cảm ứng, tên khác mà nghĩa đồng, cho nên gọi là chứng. Chỉ nhân duyên danh thông, không hạn cuộc năng sở, cho nên sách Chỉ Quán quyển thứ nhất nói: “Hoặc là nhân ở thánh, duyên ở phàm, hoặc là nhân ở phàm, duyên ở Thánh”. Dù không có mạnh yếu cũng có thể đáp đối. Vì sao? Vì theo cơ thì cơ thân mà ứng sở, theo ứng thì ứng thân mà cơ sở, cho nên khiến đáp đối qua lại, thọ danh không đồng, chỉ gọi là cảm ứng thì không thể đáp đối lập. Đại sư nhân duyên tuy ở Tích môn, nhưng căn cứ lý thì nên chỉ cả hai Bản tích. Chỉ vì Phật xuất thế chính là để hiển thật, cho nên lại theo Tích. “Lại nữa, nương” trở xuống, là vì là Bản tích. Trong giải thích thì trước là nêu “phi” (không phải), tiếp từ “thật tướng” trở xuống, là hiển “thị” (phải). Trong phần đầu nêu “phi”, cho nên không phân biệt Bồ tát tam giáo mà chỉ bài bác nhân thiên Tiểu thừa, đầy đủ thì như Huyền văn. “Tùy theo nạn vấn tùy cốt yếu” trở xuống, là theo lệ như vậy. Nói “không thành cơ cảm”: là bởi chẳng phải kinh này rộng nêu thật tướng nhân duyên. Tiếp, trong phần nêu “thị”: Vì dùng thật tướng nhất Đại đối phân biệt Tiểu lý, nghĩa kia tức đủ cho nên không rồi để khai và kiêm, mà ược bớt đi. Đã được nói Đại thì cũng nên nói thâm sâu. Nói “Phật chỉ đây là sự”, lý thì không gọi là sự, nhưng Phật muốn dùng lý này để giáo hóa người, cho nên gọi là “sự”. Năng hóa sở hóa nên gọi là nhân duyên. Tiếp, dẫn chứng trong giáo: thứ nhất là chánh dẫn; thứ hai, từ “Nên biết...” trở xuống, là kết ý giáo, thứ ba, “đại kinh” trở xuống, là lập lại dẫn.

Thứ nhất, chánh dẫn: Nói “chủng chủng”, nghĩa là bao gồm một đời, nếu ở bộ khác thì ý chưa hẳn vậy. “Phật đạo”: là riêng chỉ giáo hiện nay, cho nên từ đây về trước ý qui về nơi đây. Tiếp, kết ý: “Vi” là các giáo sơ tâm nhân thiên tiểu thiện. “Trước” là các giáo quả đức. Quyền Thật Vi Trước đều là độc hiển, cho nên nói thuyên đề (cái nơm, bẫy để bắt cá bắt thỏ). Nói “chủng chủng” và dùng “Vi trước” ắt phải dùng tám giáo mới hiển bốn vị làm đề hồ thuyên đề, cho nên thuyên đề đều thí dụ cho năng thông. Quyền giáo quyền bộ đều vì một thật (ví như cá, thỏ) mà thiết lập, hoặc tác đề (bẫy). Thiên Trương Hiệt nói: “Được thỏ là đã đủ”. Trang Tử nói: “Được thỏ quên bẫy”. Dùng chữ “Đề” (bộ túc, nghĩa là chân loài vật, cũng có nghĩa là bẫy để bắt thỏ) như ở đây, là hiện thời theo thế tục mà nói. Sách Thuyết Văn nói chữ “Đề”

(bộ võng, là lưới để bắt thỏ). Nếu nói đề là túc (chân), thì năng thuyên không thành. Nếu nói đề là tích, thì nghĩa kia cũng lạ; tìm tích được thỏ, nghĩa há như vậy ư? Nay phải theo nghĩa dùng Đề (bộ võng) là chính. Tiếp, “dẫn Đại kinh”: dẫn Đại kinh kia để mà lần nữa làm chứng cho bộ này, tức là dùng Nhất thật làm Đề nhất nghĩa. “Thô, nhuễn” lại chỉ bốn vị quyền thật. Dẫn chứng Bản tích, trong đó chia làm ba: Thứ nhất căn cứ Sư, thứ hai căn cứ đệ tử, thứ ba, kết.

Phần thứ nhất văn lại có hai: Một, là chánh dẫn văn Bản. Hai, từ “Phương tiện...” trở xuống, dẫn văn Tích. Trong văn Tích đây mật bày bản ý. Nếu hiển lộ mà nói thì tức Bản tích trong Tích. Văn dưới hiển rồi thông thì được dụng dẫn. “Đệ tử” cũng là nêu tư cách mật hiển nơi thầy, đệ tử còn chẳng thật, nghiệm một chút thì biết Sư không phải cận thành. Hàng lợi căn dù đã biết, cũng phải đợi Di-lặc mở miệng nói, thấy bản quyển thuộc, nghe thuyết mới không nghi. Nói “v.v...”, là rộng nêu ở văn dưới gồm bài xích các sư xưa nay, còn không biết bản tích nhân quả của Thầy, đặc biệt xuất ra các giáo, hướng chi đệ tử ư? Lại bản của đệ tử các kinh đều có, như Văn-thù, Quan Âm... Bản lâu xa của sư thì xuất tự kinh này. Chứng trong phần “Quán tâm”, trước là dẫn. Tiếp từ “Nên biết...” trở xuống là kết ý. Phần đầu, dẫn: Sự luận, chỉ là tin Thân-tử nói, nghĩa sẽ thấy Phật. “Điều ông nói” ắt nghe từ Phật, người năng nghe ắt là Thanh văn Bồ-tát, cho nên “nghe ông nói tức là thấy Phật”. Tiếp, kết ý: Sở văn là pháp, nơi tâm năng quán tức gọi là Phật, nghĩa sẽ thấy Phật, tâm sở tức là đệ tử... Tức nơi tâm mình biết Tam bảo nhất thể, lý kia rõ ràng đầy đủ. “Đầy đủ như nghe nói...” trở xuống, như văn. “Chú v.v...” là sắp hướng đến nghĩa quán. Đối với văn “đã nghe nói” trở xuống, chỉ tại nhất niệm. Lại, nếu đầy đủ nên căn cứ nhân duyên, căn cứ giáo Bản tích. Để nêu rõ quán tâm, thì có tam quán đối cảnh nhân duyên. Các giáo lý quán Bản cảnh Tam bảo, quán Tích, và thí khai... tư duy có thể thấy.

“Chỉ bày tướng”: Chỉ căn cứ kinh này chỉ bày bốn thứ tướng, tuy đầu tự như vậy cuối cùng mà thoát lui, đều dùng bốn ý, chỉ thế văn khởi tận dụng và không đồng. Như giải thích thông tựa thì mỗi một câu cần có bốn, thông suốt chánh tông đến lưu thông. Nếu giải thích chánh tông thì Bản tích đều có ba, nghĩa thông suốt bốn thứ. Nếu giải thích lưu thông thì lại phải đầy đủ bốn, chung thu nhiếp chánh tông. Lại, trong chánh tông tích môn đã thiếu Bản tích lâu xa, do đó nhờ dùng thể dụng bản tích thì bốn tên không thiếu. Lại, trong tựa căn cứ giáo phải quán thế văn, hoặc phải dùng “Năm thời phân biệt” thì giáo ở trong

đó, hoặc nếu phải dùng các giáo để phân biệt thì đem Thời để phán xét. Trong chánh căn cứ giáo thì nhất hướng nêu rõ khai, trong Bản căn cứ giáo thì không theo giáo để phê phán mà chỉ chỉ điểm Bản xa, diệu xa tự bày rõ. Nếu hiểu được văn này thì một bộ kinh tâm như xem chỉ trong lòng bàn tay. Bốn ý giải thích đã hiểu, không nhọc tư duy lại. Cho nên nay nương vào ba đoạn văn lớn chung chỉ bày tướng kia. Đã hiểu chung rồi lại đem ý đây uyển chuyển thì đều riêng hiểu rõ. Đầu trong nhân duyên chưa nêu rõ phẩm, lại chỉ ba đoạn tức “chủng-thục-thoát”. Nhưng ba thứ chủng v.v... cũng phải căn cứ nơi ba pháp tựa v.v... để biện rõ nhân duyên. Nếu chỉ có các tựa, thì chưa có thêm bậc nhân quả quá khứ vị lai. Nếu chỉ có các chủng, thì nghe không biết từ đâu. Dùng ba thứ chủng ở nơi ba thứ tựa thì từ đó được lợi ích không đồng. Lại như Thông tựa trong tựa sau khi Phật diệt độ, Biệt tựa thông quá khứ hiện tại. Nếu Phật tại thế thì biệt tựa trong năm thời mỗi một tiết lợi ích có sai khác, như nói kinh Vô Lượng Nghĩa thì mật đặc ba thứ lợi ích chủng v.v... không đồng. Cho nên, thấy định thấy ánh sáng, giác động, được hoa, cho đến vấn đáp cũng có ba lợi ích chủng v.v... có thể biết. Trong Chánh tông các phẩm Bản Tích không đồng, cho nên Thông tựa Biệt tựa đến sau Phật diệt độ được người lưu thông kinh khuyên trì tụng nói, cũng có các chủng... hướng chỉ là Chánh tông ư? Cho nên nương ba cặp này mới hiểu nhân duyên.

Thứ nhất, căn cứ các chủng... phải nương giáo tướng mới phân rõ có không, cho nên các giáo nhân duyên ngắn dài không đồng. Như người tu theo Tam tạng giáo trải qua ba A-tăng-kỳ, trăm kiếp, chỉ nói tự tu lục độ nuôi công đức thân, tướng hảo trang nghiêm cùng Phật kết duyên làm “chủng thực thoát”. Thông giáo sơ tâm tự hành, gần thì từ thất địa lưu hoặc nhuận sinh, cùng vật kết duyên nói “sơ hạ chủng”. Hai giáo nhập diệt không có vị lai hóa, chỉ khi thành Phật mà thực thoát. Giáo quyền lý quyền, thì không phải là ý kinh này. Biệt giáo sơ địa còn có thể đầy đủ, hướng chỉ quả mãn. Biệt giáo tuy đủ giáo mà cuối cùng là quyền, hướng lại năng có bản nhân viên chủng. Kinh này hai môn bản tích thi hóa đều khác với các kinh khác. Văn đây bốn tiết vốn có nguyên do, cho nên trong bốn tiết chỉ hai tiết đầu gọi là bản quyền thuộc. Tiết thứ nhất tuy thoát hiện tại mà đầy đủ vượt lên bản chủng cho nên gọi là bản quyền thuộc. “Nay không gọi là bản” bởi vì đồng tại nay mới thoát. “Bản chủng, cận thoát”, là do Di-lặc không hiểu phát sinh nghi, cho nên mới được gọi một cách thiên lệch là bản. Nhưng người hiện thoát, nếu chưa đắc Phật trí thì vẫn chưa biết chủng. Nay nêu ra ý

kia đó thôi! Trong đó chia làm hai phần: Đầu, nêu ba thứ chủng, tiếp, nêu ba thứ tựa. Phần đầu văn có bốn: 1. Chánh nêu nhân duyên. 2. Tiếp, từ “Tuy chưa” trở xuống, là giải thích nghi. 3. Từ “Trong đó...” là căn cứ ba đời chín đời để giải thích nhân duyên. 4. Từ “Vì sao vậy” trở xuống, là dẫn chứng nhân duyên ba đời, chín đời.

Phần đầu: tức bốn tiết chỉ bày tướng. Tiết đầu, là bản nhân, quả chủng, quả về sau mới chín (thực) Vương Thành mới thoát được. Tiết hai, từ “Lại nữa...” trở xuống, là bản nhân quả chủng, quả về sau cận thuận thực thích hợp đời quá khứ thoát. Chỉ đất vọt hiện lên nói bốn quyền thuộc chính là bản chủng cận đời mới thoát. Di-lặc đã không biết chẳng phải rất gần (cận). Tiết thứ ba, trung gian chủng, xưa giáo thực, ngày nay thoát. Tiết thứ tư, từ “Lại nữa” trở xuống, là ngày nay chủng, vị lai thực, vị lai thoát. Bốn tiết này lại chọn đại khái. Bản nhân bản quả đều đến trung gian cận thế ngày nay. Dọc sâu ngang rộng đâu chỉ có bốn tiết, cho đến vị lai vĩnh viễn không dứt. Nếu không như vậy, thì hiện quả không nhân, hiện nhân không quả, mà còn đồng với đốt nhục thân thành tro, dứt bật tâm trí (khôi đoạn), biến thành không có bắt đầu không có kết thúc. Cho nên biết tiết tiết trùng trùng không cùng cực. Như thế cuối cùng dùng Phật thừa tam đoạn làm căn bản, dùng nhân thiên tam giáo trợ giúp hiển bày.

Phần hai: từ “Tuy chưa...” trở xuống, là giải thích nghi. Nay nêu nhân duyên căn cứ văn thứ lớp, lại hợp tại Tích. Xét căn cứ bản địa trung gian chính là bao gồm Bản tích chỉ bày tướng một bộ, lấy ý văn sau, lấy ý nghi thức hóa độ.

Phần ba: căn cứ ba đời chín đời, đầy đủ thì như trong Chỉ Quán quyển một ghi dẫn các kinh Hoa Nghiêm, Anh Lạc. Cho nên biết tận đời vị lai ba đời chín đời “chủng thực thoát” ba thứ: Vậy thì niệm niệm tam mật, niệm niệm ba đời chín đời, niệm niệm ba đoạn, niệm niệm thuận nghịch, niệm niệm thân độ, mỗi mỗi không đồng, mỗi mỗi nhập thật.

Phần bốn: dẫn văn Bản làm chứng, chứng ba đời. Nếu có ba đời thì có chín đời. Chín chỉ là ba, cho nên thông chứng đại thể ba đời. Niệm niệm ba đời, căn cứ theo lệ có thể biết. Thân thông thuộc quá khứ, thông nghĩa kỳ thật thông ba đời, đối hai thứ còn lại biệt. “Sư tử” là hiện tại, “oai mãnh” là vị lai. Vì khiến cho biết đức Phật hóa duyên xa cho nên lại dẫn văn Bản. Nêu xa nhiếp gần để chứng minh bốn tiết.

Phần nêu ba thứ chủng xong.

Bây giờ là phần nêu ba thứ tựa. Từ “Do như vậy...” trở xuống, là

căn cứ ba thứ tựa. Đầu văn trước là Thông tựa chỉ hai tựa cho nên nói tựa phần, thông không thể nêu. Từ “Chúng thấy...” trở xuống là biệt, chỉ biệt tựa làm nguyên do sinh phần Chánh tông, cho nên nói: “Chúng thấy hy hữu”. “Ngung ngung” là có vẽ ngưỡng mộ.

Từ “Căn cơ Phật thừa...” trở xuống, là Chánh tông. Từ “Chẳng những...” trở xuống, chính là nêu Chánh tông làm căn bản cho lưu thông. Ba đoạn kia đã đều sinh các chủng..., thì biết câu câu chữ chữ hội hội vị vị, thế thế niệm niệm thường vì chúng sinh mà tác nhất Phật thừa chủng thực thoát. Văn đây lại từ bộ này phân biệt sâu rộng. Như nay khi đức Thích-ca nói kinh này thông năm, biệt năm đều là nhân duyên, tức nhân duyên chứng tín, nhân duyên phát khởi. Lại, thông năm nhân duyên hòa hợp, biệt năm nhân duyên theo thứ lớp, cho nên từ Tựa đến Chánh đều được thoát, cho nên nói “khai thị ngộ nhập”. Ngoại trừ các thứ đây ra, thì đều là chủng thực. Người chưa thoát thì lợi ích ở lưu thông, cho nên nói “xa thăm diệu đạo”, đều là cảm ứng của kinh này.

Nói “Năm trăm năm về sau”: Nếu căn cứ luận Tỳ-ni Mẫu, đặc biệt nêu năm trăm năm nói rằng: trăm năm thứ nhất là Giải thoát kiên cố, trăm năm thứ hai là Thiên định kiên cố, trăm năm thứ ba là Trì giới kiên cố, trăm năm thứ tư là Đa văn kiên cố, trăm năm thứ năm là Bố thí kiên cố. Nói năm trăm năm về sau là trăm sau cùng vậy. Có người nói: “Căn cứ trong kinh Đại Tập có năm thứ Năm trăm: Thứ nhất cho đến thứ tư, thì đồng như trước, chỉ có thứ năm gọi là Năm trăm năm đấu tranh kiên cố”. Nói “Năm trăm năm về sau”: là năm trăm năm sau cùng. Hoặc riêng luận Năm trăm còn tại chánh pháp. Tuy rút trong văn luận, lý kia dần dần che lấp, nhưng năm trăm năm thứ năm lại từ nhất vãng (một phen): Đầu thời mạt pháp, chúng sinh lợi độn không thể không có, lại căn cứ thời gian mà Đại giáo có thể lưu hành, cho nên nói Năm trăm năm. Cho nên ba thứ tựa v.v... không đâu không cảm ứng.

Chỉ bày giáo tướng: Tướng giáo gia, nên gọi là giáo tướng. Năm vị phân biệt là hiển đề-hồ, luận chung thì lời thánh vì chúng sinh... đều gọi là giáo. Nay giáo đặc biệt có công hiển thật, cho nên gọi là tướng. Lại riêng căn cứ ba đoạn chỉ bày tướng đề-hồ, cho nên gọi là tướng, cho nên ba đoạn đều lựa chọn thiên về tiểu, đây lại thông làm một thứ ba đoạn, khiêm nhượng bản tích nên nói chưa phân hai thứ ba đoạn.

Hỏi: Nếu vậy thì cùng hưởng nhân duyên ba đoạn có gì sai biệt? Đáp:

Trước trực tiếp nương ba thời đối người cảm ứng để nêu các chủng... Nay thuận theo biện minh các dụng pháp sâu cạn đã thuyết, cho nên lược căn cứ bốn giáo để phân biệt ba đoạn. Nói tóm lại, vẫn là

nhân duyên diệu ba đoạn đó thôi! Hướng chi Quán tâm Bản tích đều thuộc nhân duyên, thuận theo phân chọn giáo tướng đầy đủ như Huyền văn. Trước, căn cứ tướng đối đãi để phân biệt thô; tiếp, căn cứ dứt đối đãi để biện rõ diệu.

Hỏi: Thông tựa năm nghĩa, biệt tựa hoa địa, những thứ này là Sự, đâu được ba đoạn đều gọi là chỉ bày giáo?

Đáp: Luận chung thì đều là chánh thuyết tướng trước, luận riêng thì chỉ vấn đáp là giáo. Lại từ thuyết chung, không gì không tiêu biểu giáo. Cho nên văn phân biệt nói: chẳng phải vì nhân thiên làm tựa... Nhị thừa tam tạng, tức Không, là Thông, riêng Bồ-tát là Biệt.

Chánh trực... là khai quyền giáo. Chánh và lưu thông căn cứ đây có thể biết thấy. “Huỳnh quang” (ánh sáng đom đóm): kinh Đại Phẩm nói: “Bồ-tát hành Bát-nhã một ngày, như mặt trời chiếu thế gian hơn ánh sáng lửa đom đóm”. Đây là chẻ Tam tạng, cho nên dùng đèn đuốc để thí dụ Thông giáo. Đèn như Nhị thừa, đuốc như Bồ-tát, tuy đồng Bát-nhã mà có sáng tối. Đạo chủng trí là Biệt. “Như trăng sao”: Địa tiền như “sao”, đặng Địa như “trăng”, bởi vì “sao” tuy có ánh sáng mà không chiếu xa được bằng “trăng” khiến xa thấy. Phàm trí tuy chiếu mà không sáng tỏ bằng Thánh trí, tâm Thánh sâu xa hơn. Mặt trăng không bằng mặt trời, bởi vì có vẻ giáo đạo. Cũng nên làm rõ lại ba trí, ba đế, theo thứ tự, không theo thứ tự v.v... để hiển giáo tướng, nơi đây chẳng gáp. “Dương diệp (lá cây dương)”: là ý của Đại Kinh phẩm Anh Nhi Hạnh nói: Văn nay lược xuất nhân thiên: nói “Anh nhi” (đứa trẻ con) là nghĩa Tiểu thừa thông các giáo, lại từ cực tiểu cho nên chỉ nhân thiên, chỉ vì kinh kia dụ từ đốn đến tiệm. Đầu tiên nói: không thể đứng dậy đến đi nói năng, là Viên Anh nhi. Chữ “Đại” là Tạng vậy. Không biết khổ lạc, là Thông. Hạ mình xuống làm các việc đại tiểu... là Biệt. Kêu khóc... là nhân thiên. Kinh đã thông dùng Tiểu thiện làm “Anh nhi”, cho nên Viên nhân vị cũng gọi là Anh nhi. Kinh nói: “Bán tự, nghĩa là chín bộ. Mãn tự, nghĩa là luận Tỳ-già-la”. Trung Hoa dịch là Tự Bản. Hà Tây nói: “Căn bản của văn tự thế gian, tuy là ngoại luận mà không phải tà pháp, chẳng phải do Bồ-tát làm, cho nên Thí dụ Diển môn mười hai bộ kinh. Người xưa chỉ biết Diển môn Nhất đại. Nay thì không như vậy, lựa chọn cùng Biệt sau chỉ dùng Viên môn mà làm Mãn. Y nghĩa, không y ngữ, chính là đây.

